

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/8/ 2020

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Xuân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích

Ông Đỗ Minh Tuấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trương Thị H**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Bị đơn: Ông **Đinh Công P**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Anh **Đinh Thế V**, sinh 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

2/Anh **Đinh Thế Q**, sinh 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

3/Chị **Đinh Thị N**, sinh 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

4/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Văn H - Giám đốc (Agribank) Chi nhánh huyện Thanh Ba - Phú Thọ II và bà Nguyễn Thị Tuyết L – giám đốc Phòng giao dịch xã K, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng Nguyên đơn trình bày:**

Bà và ông Đinh Công P tự nguyện kết hôn với nhau tháng 2/1987. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ đẻ ông P là cụ Đinh Văn T (chết năm 1988) và cụ Lê Thị T (chết năm 2010). Cùng năm 1987 bố mẹ chồng bà chuyển khẩu về ở với con trưởng là Đinh Công T.

Vợ chồng có 03 con chung Đinh Thị N, sinh năm 1988, Đinh Thế V, sinh năm 1990 và Đinh Thế Q, sinh năm 1992

Năm 2000 Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình khi đó thành viên trong hộ gia đình bà gồm có vợ chồng bà và 03 con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra năm 2004 đến năm 2006 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Công P. Về con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng bà được Nhà nước công nhận quyền sử dụng thửa 7(14) tờ bản đồ 47 tại khu 1, xã V diện tích 3206 m² trong đó có 400 m² đất ở, còn lại là đất vườn.

Năm 2008 do làm đường cao tốc nên Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất trên, diện tích còn lại là 312,7 m² đất vườn. Gia đình bà được Nhà nước đền bù hơn 400.000.000 đồng và 01 thửa đất số 704 tờ bản đồ 34, diện tích 400 m² loại đất ở hiện nay chưa sử dụng (tại khu 2, xã V).

Hai thửa đất trên kể từ khi Nhà nước cấp cho gia đình đến nay sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp với ai.

Ông Đinh Công P là người nhận khoản tiền đền bù và đứng ra làm nhà (diện tích hơn 100 m²) trên phần đất tại thửa 7(14) tờ bản đồ 47. Số tiền làm nhà hết khoảng 200.000.000đ, số tiền còn lại ông P sử dụng riêng.

Về nợ chung: Năm 2018, bà được ông Đinh Công P ủy quyền vay của Ngân hàng NN&PTNT tại PGD K số tiền 200.000.000đ để cho con gái là Đinh Thị N có vốn làm ăn. Hiện nay hàng tháng bà là người trả toàn bộ tiền lãi. Ngoài ra không còn khoản nợ chung nào khác.

Nay bà đề nghị Tòa án giao cho bà thửa đất 400m², ông P sử dụng thửa đất còn lại và sở hữu ngôi nhà. Nếu có chênh lệch về giá trị thì bà sẽ thanh toán chênh lệch cho ông P.

Đối với nợ ngân hàng, bà đề nghị Tòa án buộc mỗi người có trách nhiệm trả ½, bà sẽ đứng ra trả cho Ngân hàng, ông P thanh toán lại ½ khoản tiền vay và lãi hàng tháng kể từ thời điểm tháng 8/2020 theo lãi suất của hợp đồng vay. Tuy nhiên tại phiên Tòa bà Trương Thị H đề nghị một mình bà có trách nhiệm đối với khoản tiền này.

Đất nông nghiệp không đề nghị giải quyết.

*** Bị đơn ông Đinh Công P trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm.**

Tại phiên tòa ngày 14/8/2020 ông Đinh Công P thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý thuận tình li hôn

Về tài sản ông Đinh Công P xuất trình hai giấy phô tô nội dung ông Đinh Công T cho vay tiền để trả tiền làm nhà và mẹ ông có di chúc. Ông Đinh Công P không đồng ý chia tài sản và cho rằng đó là tài sản của bố mẹ ông để lại. Ông Đinh

Công P cũng thừa nhận năm 2008 ông nhận hơn 300 triệu đồng tiền bù, đã sử dụng một phần làm nhà và trả nợ, nuôi con ăn học.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** là Đinh Thị N, Đinh Thế V và Đinh Thế Q đều thừa nhận là con chung của nguyên đơn và bị đơn trong vụ án và tự xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án chia quyền về tài sản là hai thửa đất đứng tên hộ ông Đinh Công P và bà Trương Thị H.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Người được ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày tại bản tự khai:

Nội dung thừa nhận khoản tiền vay và tài sản thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm tiền vay như nội dung bà Trương Thị H trình bày. Cụ thể hợp đồng tín dụng số 2711LAV-201805184 ngày 19/12/2018 lãi suất 11% /năm thời hạn vay 36 tháng. Đề nghị Tòa án giao tài sản đang thế chấp cho ai thì người đó có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng

***Các đương sự giữ nguyên quan điểm và không thỏa thuận được**

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:** Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán. Thư ký được phân công làm đúng theo trình tự từ khi thụ lý vụ án đến thu thập các chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự quy định và đề nghị Tòa án ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ tại Phòng tài nguyên và môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để xác định thành viên trong hộ gia đình ông P năm 2000 và có thời gian để bị đơn xuất trình bản di chúc gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Đinh Thị N, Đinh Thế V và Đinh Thế Q từ chối hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là ông Đinh Công P không đến Tòa án làm việc dù được triệu tập nhiều lần nên Tòa án niêm yết theo quy định. Tại phiên tòa ông thừa nhận biết được Tòa án giải quyết vụ án nhưng do bận nên không đến tòa. Ông từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị H và ông Đinh Công P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng cũng đã có thời gian chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ năm 2006 đến nay

Xét yêu cầu ly hôn: Thực tế hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau. Không còn chung mục đích xây

dựng gia đình. Tại phiên tòa ông Đinh Công P thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý thuận tình ly hôn

Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của đương sự là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Bà Trương Thị H thừa nhận nguồn gốc các thửa đất đứng tên vợ chồng bà có nguồn gốc từ bố mẹ chồng, bà H về ở trên thửa đất đó và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình khi đó thành viên trong hộ gia đình có vợ chồng bà và 03 con chung.

Tòa án thấy rằng; Tại thời điểm nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (đã được xác minh) năm 2000 đối với thửa 7(14) tờ bản đồ 47 thì thành viên trong hộ gia đình có vợ chồng bà H, ông P và 03 con chung, sử dụng ổn định trước năm 1993 từ đó đến nay đất không có tranh chấp được ông P bà H thừa nhận vì vậy cần xác định đây là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên như khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Đinh Thị N, anh Đinh Thế V và anh Đinh Thế Q đều xác nhận không có đóng góp vào khối tài sản chung và từ chối nhận tài sản vì vậy cần xác định khối tài sản trên thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị H và ông Đinh Công P. Thửa đất số 704 tờ bản đồ 34, diện tích 400 m² được hình thành do đền bù của thửa số thửa 7(14) tờ bản đồ 47 nên cũng thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị H và ông Đinh Công P.

Yêu cầu của bà Trương Thị H được sử dụng thửa đất số 704 tờ bản đồ 34, diện tích 400 m² có căn cứ nên được chấp nhận và giao phần còn lại của thửa đất số 7(14) tờ bản đồ 47 và ngôi nhà trên đất cho ông Đinh Công P sở hữu và sử dụng.

Tại biên bản định giá ngày 05/8/2020 Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự huyện Thanh Ba xác định: Thửa đất số 704 tờ bản đồ 34, diện tích 400 m² có giá trị 104.000.000 đồng. Giá trị 312,7 m² còn lại của thửa số thửa 7(14) tờ bản đồ 47 là 21.263.000 đồng và ngôi nhà trên đất có giá trị là 124.358.000 đồng, tổng giá trị là 145.621.000 đồng.

Như vậy giá trị tài sản giao cho bà Trương Thị H thấp hơn giá trị tài sản giao cho ông Đinh Công P nhưng không buộc ông Đinh Công P thanh toán chênh lệch trên là có xem xét đến nguồn gốc tài sản từ gia đình ông Đinh Công P.

Về khoản nợ ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam các bên đương sự thừa nhận khoản nợ. Do thửa đất đang thế chấp cho Ngân hàng được giao cho bà Trương Thị H nên giao bà H thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc khi đến hạn và tiền lãi hàng tháng theo hợp đồng.

Về tài sản ông Đinh Công P xuất trình hai giấy phô tô nội dung ông Đinh Công H cho vay tiền làm nhà và mẹ ông có di chúc để lại (không xuất trình được bản gốc). Các tài liệu trên không là chứng cứ của vụ án. Quyền về tài sản đã được lập luận đánh giá ở phần trên.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí chia tài sản các bên đương sự phải chịu theo tỷ phần được hưởng. Bà Trương Thị H có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận nên miễn ½ án phí chia tài sản cho bà Trương Thị H

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 59; Điều 61 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27; Khoản 1,3 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị H và ông Đinh Công P

2/ Về tài sản:

*Xác nhận Quyền sử dụng thửa đất số 704 tờ bản đồ 34, diện tích 400 m² tại khu 2, xã V, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ và thửa số 7(14) tờ bản đồ 47 diện tích 312,7 m² và ngôi nhà mái bằng trên đất tại khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của bà Trương Thị H và ông Đinh Công P.

Giao bà Trương Thị H quyền sử dụng thửa đất số 704 tờ bản đồ 34, diện tích 400 m² tại khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giá trị là: 104.000.000 đồng.

Giao ông Đinh Công P quyền sử dụng và sở hữu thửa số thửa 7(14) tờ bản đồ 47 diện tích 312,7 m² và ngôi nhà mái bằng trên đất tại khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ có tổng giá trị là: 145.621.000 đồng.

Xác nhận sự tự nguyện không buộc ông Đinh Công P thanh toán chênh lệch tài sản

Bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Thanh Ba – Phú Thọ II - Phòng giao dịch xã K số tiền gốc 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2711LAV-201805184 ngày 19/12/2018 khi đến hạn thanh toán và tiền lãi theo hợp đồng.

Xác nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị H không yêu cầu ông Đinh Công P cùng chịu trách nhiệm đối với khoản nợ Ngân hàng

Đối với khoản tiền thi hành án, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001882 ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Án phí chia tài sản bà Trương Thị H phải chịu 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng)

Án phí chia tài sản ông Đinh Công P phải chịu 7.280.000 đồng (bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn)

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã V
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Xuân